

Bản án số: 07/2018/HSST

Ngày: 18/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU-TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Huỳnh Thanh Trà

+ Ông Phạm Xoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - 24 Hoàng Văn Thụ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 105/2017/HSST ngày 14/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 04/01/2018 đối với các bị cáo:

- **Lê Tấn C** (C Lê). Sinh ngày: 10.01.1992 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: K326/49 đường H, tổ 109, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Kiều Thị Thu H (sống). Có vợ là Lê Thị Thanh B (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21.6.2017, có mặt tại phiên tòa.

- **Phan Thành Đ.** Sinh ngày: 15.4.1995 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: K97/H03 D, tổ 98 (cũ), phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Minh Th và bà Trần Thị M (sống). Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư.

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21.6.2017, có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Ông **Lý Quang H**, sinh ngày: 02.02.1991. Nơi ĐKNKTT: Số 173 C, tổ 63, phường C, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không lý do).

- Ông **Đặng Công Th**, sinh ngày: 10.11.1995. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 2, khối phố V, phường Đ, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt không lý do).

- Bà **Huỳnh Thị Th** (Út). Sinh ngày: 08.8.1994. Nơi ĐKNKTT: Thôn Hòa D, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở: 63/3 Phạm Văn N, tổ 86, phường Th, quận thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Ông **Lê Trung V**. Sinh ngày: 22.08.1994. Nơi ĐKNKTT: Đội 2, thôn Long

Châu B, xã Duy Ph, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt không lý do).

- Ông **Võ Thành V.** Sinh ngày: 05.01.1986. Nơi ĐKNKTT: tổ 31 phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt không lý do).

- Bà **Nguyễn Thị Ánh D.** Sinh ngày: 08.6.1993. Nơi ĐKNKTT: số 174 H, thị trấn Hải L, tỉnh Quảng Trị (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21^h30' ngày 21/6/2017, tại trước nhà số 280 đường H, phường Nam D, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Phan Thành Đ đang tàng trữ trái phép chất ma túy, tang vật thu giữ:

- 01 vỏ bao thuốc lá có dòng chữ White Horse, bên trong có một bao ni lông màu trắng, kích thước khoảng 04cmx08cm, có chứa 60 (sáu mươi) viên nén hình tròn, có bánh răng, màu xanh, một mặt có hình vương miện (ký hiệu A1).

- 01 điện thoại di động màu đỏ-trắng, có dòng chữ Iphone, số Imei 354385062456600, bên trong có sim số 0936.116.362;

- 01 chứng minh nhân dân số 201706625 mang tên Phan Thành Đ;

- 01 xe mô tô có dòng chữ Exciter, màu xám-đen, BKS 43K1-296.31, số máy G3D4E305839, số khung RLCUG0610GY291328;

- 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm ngàn đồng, tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam);

- 06 (sáu) bao ni lông kích thước khoảng 03cm x 06cm chưa qua sử dụng.
(Bút lục: 175-176)

Theo Đ khai số ma túy trên là thuốc lắc, mua của một người tên C (còn gọi là "C Lê") khoảng 25-26 tuổi, xăm nguyên cánh tay phải, tại trước nhà số 230-340 khu vực Đ, đường H, thành phố Đà Nẵng. Theo Công an phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cung cấp đối tượng có đặc điểm nhận dạng nêu trên tên là Lê Tấn C, trú tại tổ 109, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Đến khoảng 23^h30', Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Lê Tấn C, tang vật thu giữ:

- 01 gói ni lông màu trắng, bên trong có 04 (bốn) viên nén màu xanh, một mặt có logo hình vương miện (ký hiệu A2). Cường khai đó là ma túy loại thuốc lắc.

- 01 chứng minh nhân dân số 201624632 mang tên Lê Tấn C;

- 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng, tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam);

- 01 hóa đơn giá trị gia tăng số TT171669T36Q ngày 15/6/2017, người nộp tiền là Lê Tấn Cường, người nhận tiền là Ly Quang H.

- 01 điện thoại di động màu đen, có dòng chữ Iphone, số Imei 359215073309099, bên trong có sim số 0905.577.773. (Bút lục: 119)

Sau đó, vào khoảng 14^h30' ngày 22/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng tiếp tục khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Tấn C tại K326/49 đường H, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, thu giữ 07 (bảy) giấy chuyển tiền ngân hàng Sacombank có người nộp tiền là Lê Tấn C, người nhận tiền là Ly Quang H. (Bút lục: 121-123)

Theo Kết luận giám định số 388/GĐ-MT ngày 28/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng: Mẫu viên nén gửi giám định có trọng lượng A1: 19,069 gam, A2: 1,250 gam, có MDMA. MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự 22, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ. Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 16,848 gam mẫu A1; 0,324 gam mẫu A2 và toàn bộ vỏ bao gói.

Như vậy, trọng lượng ma túy thu giữ trong vụ án là: $A1+A2=19,069 \text{ gam} + 1,250 \text{ gam} = 20,319 \text{ gam}$. (*Bút lục: 16*)

Điều tra ban đầu, Lê Tấn C và Phan Thành Đ đã tự khai, thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình. Sau đó, Lê Tấn C khai lại, không thừa nhận việc bán ma túy cho Đ và những người khác.

Tuy nhiên, từ lời khai ban đầu của Lê Tấn C, lời khai của Phan Thành Đ và người mua ma túy: Đặng Công Th, Võ Thành V cùng với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thì quá trình mua bán ma túy của C và Đ diễn ra như sau:

1. Đối với Lê Tấn C: C bắt đầu bán ma túy từ đầu năm 2016. C nhiều lần mua ma túy (thuốc lắc) của Lý Quang H (không rõ lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh và một số đối tượng tên “L”, “B”, H và Hải Ngh ở Đà Nẵng về bán lại cho Đ, Th, Vinh và một số người khác (không rõ họ tên, địa chỉ), cụ thể:

- Bán cho Đ 03-04 lần (không nhớ rõ thời gian, địa điểm) mỗi lần từ 20 đến 40 viên thuốc lắc, giá 330.000 đồng/viên. Ngày 21/6/2017, Đ mua nợ của Lê Tấn C 60 viên thuốc lắc giá 330.000 đồng/viên để về bán lại kiếm lời, Đ chưa kịp bán thì bị bắt quả tang như đã nêu trên.

Ngoài ra, có 03 lần Đ đưa tiền trước cho Cường để Cường chuyển tiền vào mua ma túy của Lý Quang Hải, cụ thể:

- + Lần 1: Khoảng ngày 10/5/2017, Đ đưa cho C 25.000.000 đồng để mua 100 (một trăm) viên thuốc lắc. Hai ngày sau, C giao ma túy cho Đ.

- + Lần 2: Khoảng ngày 17/5/2017, Đ đưa cho C 25.000.000 đồng để mua 100 (một trăm) viên thuốc lắc. Ba ngày sau, C nói Đ ra nhà xe Phương Trang trên đường Nguyễn Tri Phương, thành phố Đà Nẵng nhận ma túy theo đường chuyển bưu phẩm.

- + Lần 3: Khoảng ngày 03/6/2017, Đ tiếp tục đưa cho C 25.000.000 đồng để mua 100 (một trăm) viên thuốc lắc. Ba ngày sau, C nói Đ ra nhà xe Phương Trang, Đà Nẵng nhận ma túy theo đường chuyển bưu phẩm.

- Bán cho Đặng Công Th nhiều lần, mỗi lần từ 01-02 viên để Th sử dụng.

- Bán cho Võ Thành V một lần 02 viên để Vinh sử dụng.

Riêng đối với Nguyễn Thị Ánh D, C có cho D ma túy để sử dụng, không phải mua bán. (*Bút lục: 84-86; 94-96; 104-107; 153-154; 167-169; 210-227*)

2. Đối với Phan Thành Đ: Đ bắt đầu bán ma túy từ khoảng đầu tháng 5/2017. Nguồn ma túy Đ mua của Lê Tấn C về bán lại cho:

- Huỳnh Thị Th 02 lần, mỗi lần 02 viên thuốc lắc giá 800.000 đồng;

- Đặng Công Th 01 lần 01 viên giá 400.000 đồng;

- Lê Trung V 01 lần 01 viên giá 400.000 đồng. Ngoài ra, Đ còn bán ma túy cho nhiều người (không xác định được họ tên, địa chỉ).

Phan Thành Đ thu lợi được 19.500.000 đồng và một lượng ma túy để sử dụng. (*Bút lục: 52-63; 71-74; 210-227; 84-86; 153-154; 167-169*)

Quá trình điều tra, Phan Thành Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Lê Tấn C quanh co, chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên cũng không xác định được số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy của C.

Tại bản cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 13/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Tấn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b,m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; Truy tố bị cáo Phan Thành Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm b,m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Tấn C mức án từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 : Phạt tiền đối với bị cáo C.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phan Thành Đ mức án từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù.

- Do gia đình bị cáo Đ là hộ nghèo tại địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ.

- * Về xử lý vật chứng : Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý :

- Tuyên tịch thu và tiêu hủy 16,848 gam mẫu A1 và 0,324 gam mẫu A2 ma túy và toàn bộ vỏ bao gói gửi hoàn trả sau giám định.

- Tuyên tịch thu và sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động màu đỏ - trắng có dòng chữ Iphone, Số Imel1: 354385062456600; kèm theo sim điện thoại mang số thuê bao 0936.116.362.

- Tuyên tịch thu và sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động màu đen có dòng chữ Iphone, Số Imel1: 359215073309099; kèm theo sim điện thoại mang số thuê bao 0905.577.773.

- Tuyên tạm giữ số tiền 3.200.000 đồng của bị cáo Đ và 12.000.000 đồng của bị cáo C để đảm bảo thi hành án.

- Tuyên trả lại chứng minh nhân dân cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Tấn C và bị cáo Phan Thành Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 21^h30' ngày 21/6/2017, tại trước nhà số 280 H, phường N, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận thành phố Đà Nẵng bắt quả tang Phan Thành Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép 19,069 gam ma túy có MDMA (thuốc lắc) nhưng chưa kịp bán. Trước đó, Phan Thành Đ bán ma túy cho Huỳnh Thị Th 02 lần, Đặng Công Th 01 lần, Lê Trung V 01 lần và một số đối tượng khác (*Chưa xác định họ tên, địa chỉ*). Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, Đ thu lợi 19.500.000 đồng.

Vào lúc 23^h30' cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng bắt khẩn cấp và thu giữ trên người Lê Tấn C 1,250 gam ma túy MDMA (thuốc lắc) mà Cường chưa kịp bán. Trước đó, Lê Tấn C bán ma túy nhiều lần cho Phan Thành Đ, Đặng Công Th, Võ Thành V và một số đối tượng khác (*Chưa xác định họ tên, địa chỉ*).

Tổng trọng lượng ma túy thu giữ trong vụ án là: 20,319 gam. Như vậy, Lê Tấn C phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán ma túy là 20,319 gam, Phan Thành Đ phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán ma túy là 19,069 gam.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt đối với bị cáo C được quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 ; tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Đ được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

2. Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy :

Các bị cáo nhận thức rõ mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài và có ma túy để sử dụng nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, xâm phạm sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính chất liều lĩnh và coi thường pháp luật. Do đó HĐXX thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong vụ án này bị cáo C nhiều lần bán ma túy cho bị cáo Đ và các đối tượng nghiện khác để có ma túy để sử dụng. Bị cáo Đ sau khi mua ma túy của bị cáo C thì về bán lại cho các đối tượng nghiện khác nhằm có tiền để tiêu xài và có ma túy để sử dụng. Số ma túy thu giữ của bị cáo C và bị cáo Đ là 19,069 g có thành phần MDMA. Ngoài ra còn thu giữ của bị cáo C 1,250 g ma túy có MDMA. Như vậy tổng cộng số ma túy bị cáo C bị thu giữ là 20,319g có MDMA. Do đó hình phạt của bị cáo C chịu phải cao hơn so với bị cáo Đ. HĐXX thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, gia đình bị cáo Đạt là hộ nghèo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. HĐXX thấy cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện.

- **Về hình phạt bổ sung** : Áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 phạt tiền bị cáo C 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Do gia đình bị cáo Đ thuộc diện hộ nghèo tại địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Đối với 16,848 gam mẫu A1 và 0,324 gam mẫu A2 và toàn bộ vỏ bao gói gửi hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 388/GĐ-MT ngày 28/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng. HĐXX thấy đây là vật cấm lưu hành nên cần áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 06 (sáu) bao nilong kích thước 03cmx06cm là vật không có giá trị nên áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động màu đỏ - trắng, có chữ Iphone, có số Imel1: 354385062456600, bên trong có sim số 0936116362 và 01 điện thoại di động màu đen, có chữ Iphone có số Imel1: 359215073309099, bên trong có sim số 0905.577.773 các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân số 201706625 của bị cáo Phan Thành Đ và 01 chứng minh nhân dân số 201624632 của bị cáo Lê Tấn C là giấy tờ tùy thân của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với số tiền 19.500.000 đồng do bị cáo Đ thu lợi từ việc mua bán trái phép chất ma túy, HĐXX thấy cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo Đ nộp lại sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 12.000.000 đồng của bị cáo C, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp với Điều 47 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên do bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 5.000.000 đồng, nên cần tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 3.200.000 đồng của bị cáo Đ không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp với Điều 47 của Bộ luật hình sự, nhưng do bị cáo Đ bị truy thu số tiền thu lợi bất chính nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với Huỳnh Thị Th, Lê Trung V, Đặng Công Th, Nguyễn Thị Ánh D, Võ Thành V có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử lý hành chính là đúng pháp luật.

Đối với đối tượng tên Lý Quang H, “L”, “B”, H, Hải N và những người khác có liên quan đến hành vi mua bán ma túy với Lê Tấn C, Phan Thành Đ, hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

- Đối với chiếc xe mô tô có dòng chữ Exciter, màu xám-đen, BKS 43K1-296.31, số máy G3D4E305839, số khung RLCUG0610GY291328 tạm giữ của Phan

Thành Đ. Xe này đứng tên chủ sở hữu là chị Phạm Thị N; chị N đã bán lại cho ông Phan Minh Th là bố của Phan Thành Đ. Ngày 21/6/2017, Đ mượn xe máy trên của ông Th nói để đi công việc, ông Th không biết Đ mượn xe để làm gì. Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã trả lại xe cho ông Th là có căn cứ.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lê Tấn C và Phan Thành Đ phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy ”.

1. Căn cứ vào điểm b,m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn C 8 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 21 tháng 6 năm 2017.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thành Đ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 21 tháng 6 năm 2017.

3. Căn cứ khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Phạt tiền bị cáo Lê Tấn C 5.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu và tiêu hủy 16,848 gam mẫu A1 và 0,324 gam mẫu A2 và toàn bộ vỏ bao gói gửi hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 388/GĐ-MT ngày 28/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- Tuyên tịch thu và tiêu hủy 06 (sáu) bao nilong kích thước 03cm x 06cm.

- Tuyên tịch thu và sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động màu đỏ - trắng, có chữ Iphone, có số Imel1: 354385062456600, bên trong có sim số 0936116362.

- Tuyên tịch thu và sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động màu đen, có chữ Iphone có số Imel1: 359215073309099, bên trong có sim số 0905.577.773.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Phan Thành Đ 01 chứng minh nhân dân số 201706625.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Tấn C 01 chứng minh nhân dân số 201624632.

- Buộc bị cáo Phan Thành Đ nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 19.500.000 đồng.

- Tạm giữ số tiền 3.200.000 đồng của bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 12.000.000 đồng của bị cáo C để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 11 năm 2017.

5. Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Lê Tấn C và Phan Thành Đ mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Hải Châu;
- VKSNDTPĐN;
- Công an Q. Hải Châu;
- Công an TPĐN;
- TAND TPĐN;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Loan

Các hội thẩm nhân dân	Hội đồng xét xử	Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
-----------------------	-----------------	-------------------------------

